TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02169

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20 %)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi (60 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12333001	ĐỖ NHẬT	AN	CD12CQ	1		7	9	4	4,8	4	8
2	12333009	ĐỖ VIỆT	ANH	CD12CQ	1		7	7	3	4,6	4	6
3	12333206	LÊ THẾ	ANH	CD12CQ	1		7	6	2	3,8	3	8
4	12333363	PHẠM THỊ VÂN	ANH	CD12CQ	2		7	6	6	6,2	6	2
5	12333365	NGUYỄN THỊ BẢO	ÂN	CD12CQ	1		8	7	4	5,4	5	4
6	11333007	UNG VĂN	BẰNG	CD11CQ	2		8	8	4	5,6	5	6
7	12333025	NGUYỄN BẢO Y	BÌNH	CD12CQ	1		8	7	6	6,6	6	6
8	12333034	NGUYỄN VĂN	CHÍ	CD12CQ	1		8	6	0	2,8	2	8
9	11333012	NGUYỄN TRƯỜNG	CHINH	CD11CQ	2		8	8	5	6,2	6	2
10	12333368	NGUYỄN NGỌC	CHỌN	CD12CQ	1		8	6	5	5,8	5	8
11	12333038	NGUYỄN VĂN	CHUNG	CD12CQ	1		7	6	3	4,4	4	4
12	12333040	NGUYỄN VĂN	CƯƠNG	CD12CQ	1		8	7	3	4,8	4	8
13	12333370	NGUYỄN THỊ	DIỄM	CD12CQ	1		7	7	3	4,6	4	6
14	12333375	LÙM PHI	DŨ	CD12CQ			7	7	V	V	V	
15	11124008	VŨ TRẦN TUẤN	DŨNG	DH11QL								
16	12333055	TẠ THỊ MỸ	DUYÊN	CD12CQ	1		7	6	4	5,0	5	0
17	12333376	ĐẶNG MINH	DƯƠNG	CD12CQ	1		7	9	1	3,8	3	8
18	12333377	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	CD12CQ	1		7	7	6	6,4	6	4

Số bài: 23 ; Số tờ: 26

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Ng Ngọc Mỹ Tiên
Ng T. Hoàng Yến

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2
Nguyễn Thị Long Hường

Ngày 21 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02169

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12333005	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	CD12CQ	1		7	6	4	5,0	5	0
20	11333027	TRẦN QUỐC	ĐẠI	CD11CQ								
21	12333063	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	CD12CQ	1		7	8	3	4,8	4	8
22	12333076	ĐẶNG SƠN	HÀ	CD12CQ	1		7	0	1	2,0	2	0
23	12333081	TRẦN THỊ THÚY	HẢI	CD12CQ	1		7	7	6	6,4	6	4
24	12333339	LÊ THỊ	HẠNH	CD12CQ	1		7	6	3	4,4	4	4
25	12333379	TRƯƠNG THỊ	HẠNH	CD12CQ	1		7	7	5	5,8	5	8
26	12333180	PHẠM THÀNH	HẢO	CD12CQ	1		7	8	4	5,4	5	4

Số bài: 23 ; Số tờ: 26

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng Ngọc Mỹ Tiên

Ng T. Hằng Yến

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Long Thường

Ngày 21 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02170

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20 %)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12124170	LÊ THỊ THANH	HẰNG	DH12QL	1		7	7	5	5,8	5	8
2	12333077	NGUYỄN MINH	HẬU	CD12CQ	Vắng				Vắng		●	
3	12333353	BÙI THỊ	HIỀN	CD12CQ	1		7	9	7	7,4	7	4
4	12333094	DƯƠNG THỊ DIỆU	HIỀN	CD12CQ	1		8	7	2	4,2	4	2
5	12333381	HUỲNH THỊ NGỌC	HIỀN	CD12CQ	1		7	6	5	5,6	5	6
6	12333096	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	CD12CQ	1		8	8	4	5,6	5	6
7	12333097	HUỲNH HỮU	HIỂN	CD12CQ	1		7	8	5	6,0	6	0
8	11333131	LÝ THÁI	HIỆP	CD11CQ	1		8	8	2	4,4	4	4
9	10333123	NGUYỄN CHÍ	HIẾU	CD10CQ	1		7	6	6	6,2	6	2
10	12333004	NGUYỄN HUỲNH TRUNG	HIẾU	CD12CQ	1		7	0	2	2,6	2	6
11	12333067	TRẦN TRUNG	HIẾU	CD12CQ	1		7	8	2	4,2	4	2
12	12124027	PHAN THỊ	HOÀI	DH12QL	1		8	6	5	5,8	5	8
13	12333016	NGUYỄN THỊ THÚY	HỒNG	CD12CQ	1		8	7	4	5,4	5	4
14	11333110	TRẦN ĐÌNH	HUY	CD11CQ	1		8	8	3	5,0	5	0
15	12333387	NGUYỄN THỊ XUÂN	HUYÊN	CD12CQ	V				Vắng		●	
16	12333182	HUỲNH THỊ THANH	HƯƠNG	CD12CQ	1		7	6	5	5,6	5	6
17	10124080	TRẦN QUANG	KHẢI	DH10QL	1		6	6	5	5,4	5	4
18	12333391	NGUYỄN TRUNG	KHANG	CD12CQ	1		8	7	2	4,2	4	2

Số bài: 24; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Ng Thị Chí Tâm
Lê Mộng Triết

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2
Nguyễn Thị Long Hưởng

Ngày 21 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02170

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11333121	HÀ ĐỨC	KHANH	CD11CQ	1	[signature]	9	8	2	4,6	4	6
20	08166061	ĐỖ	KHOA	CD08CQ	1	[signature]	9	9	5	6,6	6	6
21	12333129	LÊ ĐĂNG	KHOA	CD12CQ	1	[signature]	8	7	1	3,6	3	6
22	09124039	ĐẶNG HOÀNG	KHƯƠNG	CD10CQ	1	[signature]	8	8	5	6,2	6	2
23	12333007	LÊ VĂN	KIÊN	CD12CQ	1	[signature]	9	7	5	6,2	6	2
24	12124112	PHẠM THỊ NGỌC	KIỀU	DH12QL	1	[signature]	8	6	4	5,2	5	2
25	12333467	LÊ THỊ DIỆU	LINH	CD12CQ	1	[signature]	6	6	3	4,2	4	2
26	12333144	NGUYỄN TRẦN TRÚC	LINH	CD12CQ	1	[signature]	7	7	4	5,2	5	2

Số bài: 24; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Ng Thị Chí Tâm
Bà Mộng Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2
Nguyễn Thị Long Hương

Ngày 21 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 05051

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Quy hoạch phát triển nông thôn (209307) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 11/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124011	HUỲNH THÚY	ÁI	DH10QL	1					7,5	7	5
2	10124004	LÊ HUỲNH ĐỨC	ANH	DH10QL	1					5,0	5	0
3	10124007	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	DH10QL	1					7,0	7	0
4	10124010	VŨ TUẤN	ANH	DH10QL	1					8,5	8	5
5	10124015	BÙI QUỐC	BẢO	DH10QL	1					6,0	6	0
6	11124002	TRẦN NGỌC	CHI	DH11QL	1					7,5	7	5
7	10124027	BÙI QUANG	DUY	DH10QL	1					6,0	6	0
8	10124028	NGUYỄN ĐỨC	DUY	DH10QL	1					6,0	6	0
9	11124014	BÙI VĂN	ĐỒNG	DH11QL	2					4,0	4	0
10	09125242	VĂN	HẢI	DH09QL	1					5,0	5	0
11	10124047	TRƯƠNG VĂN	HẠNH	DH10QL	1					5,5	5	5
12	11124017	HỒ THỊ	HẢO	DH11QL	1					7,0	7	0
13	10124048	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	DH10QL	1					7,5	7	5
14	10124055	BÙI ĐỨC	HIẾN	DH10QL	1					7,0	7	0
15	10124062	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÒA	DH10QL	2					8,0	8	0
16	10124059	ĐOÀN MINH	HOÀNG	DH10QL	1					5,5	5	5
17	10124060	HUỲNH CHÍ	HOÀNG	DH10QL	2					7,0	7	0
18	10124069	LÊ TRƯƠNG QUỐC	HÙNG	DH10QL	1					6,0	6	0

Số bài: 26 ; Số tờ: 26-30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2: Ng Trung Quyết; Ngô Ngọc Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn (*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2: Huỳnh Thanh Hùng

Ngày 11 tháng 1 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 05051

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Quy hoạch phát triển nông thôn (209307) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 11/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124067	TRẦN ĐẶNG NGỌC	HUYỀN	DH10QL	1					5,0	5	0
20	10124080	TRẦN QUANG	KHẢI	DH10QL	1					5,5	5	5
21	10124087	ĐẶNG THỊ THÙY	LIÊN	DH10QL	1					7,0	7	0
22	10124090	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIÊN	DH10QL	1					6,5	6	5
23	10124091	ĐẶNG THỊ	LINH	DH10QL	1					8,0	8	0
24	10124093	NGÔ DUY	LINH	DH10QL	1					5,0	5	0
25	10124097	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	DH10QL	1					6,0	6	0
26	10124142	CHÂU HUỲNH	NHUNG	DH10QL	2					6,5	6	5

Số bài: 26 ; Số tờ: 26.30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Trung Quyết

Ngô Ngọc Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Thượng Thanh Hưng

Ngày 11 tháng 1 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02171

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12333399	MAI THỊ HỒNG	LOAN	CD12CQ	1		7	8	4	5,4	5	4
2	12333340	PHẠM THỊ THANH	LOAN	CD12CQ	1		7	6	3	4,4	4	4
3	11333070	NGUYỄN THÀNH	LỘC	CD11CQ	1		8	8	4	5,6	5	6
4	12333400	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	CD12CQ	1		7	6	5	5,6	5	6
5	12333184	HOÀNG VĂN	MẠNH	CD12CQ	1		7	9	3	5,0	5	0
6	12124227	HUỲNH QUỐC	MINH	DH12QD	1		8	6	3	4,6	4	6
7	12124378	MẠC THỊ	MƠ	DH12QD	1		8	6	7	7	7	0
8	11124166	TỪ PHẠM KIỀU	MY	DH11QL					Vắng	—	V	
9	12333403	ĐẶNG THỊ THU	NGÂN	CD12CQ	1		7	7	2	4,0	4	0
10	11151067	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	DH11DC	1		7	6	8	7,4	7	4
11	11333081	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	CD11CQ	1		8	8	3	5,0	5	0
12	12333126	ĐỖ TUẤN	NGỌC	CD12CQ	1		9	8	3	5,2	5	2
13	12333160	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	CD12CQ	1		7	6	5	5,6	5	6
14	11333083	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	CD11CQ	1		7	6	3	4,4	4	4
15	12333173	PHAN THỊ KIM	NGỌC	CD12CQ					Vắng	—	V	
16	12333407	NGÔ THỊ KIM	NGUYÊN	CD12CQ	1		7	6	2	3,8	3	8
17	12333176	NGUYỄN CÔNG	NGUYÊN	CD12CQ	1		7	8	3	4,8	4	8
18	12333409	NGUYỄN THỊ	NHÀN	CD12CQ	1		6	6	5	5,4	5	4

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Nguyễn Trung Quyết
Trương Đỗ Thuỳ Linh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2
Nguyễn Thị Long Hường

Ngày 20 tháng 01 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02171

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20 %)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12333410	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHÀN	CD12CQ	1		7	7	3	4,6	4	6
20	12333178	CÁI THÀNH	NHÂN	CD12CQ	1		8	8	3	5,0	5	0
21	12124056	NGUYỄN NGUYÊN HẠNH	NHÂN	DH12QL	1		8	6	5	5,8	5	8
22	12333128	TRẦN ANH	NHÂN	CD12CQ	1		7	7	3	4,6	4	6
23	12333344	NGÔ THỊ THẢO	NHI	CD12CQ	1		7	9	4	5,6	5	6
24	12333362	TRẦN THỊ HẢI	NHUNG	CD12CQ	1		8	7	4	5,4	5	4
25	12333010	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	CD12CQ	1		7	6	4	5,0	5	0
26	12333285	ĐỖ THỊ YẾN	NI	CD12CQ	1		8	7	2	4,2	4	2

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Nguyễn Trung Quyết
Trương Đỗ Thùy Linh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2
Nguyễn Thị Hồng Hường

Ngày 20 tháng 01 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02172

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12333093	PHẠM HỒNG	PHÁT	CD12CQ	1		8	7	3	4,8	4	8
2	11151006	HUỲNH TẤN	PHONG	DH11DC	1		7	6	4	5,0	5	0
3	11333095	LÊ THANH	PHONG	CD11CQ							V	
4	11124104	NGUYỄN THANH	PHONG	DH11QL	1		7	6	7	6,8	6	8
5	12333191	VÕ THANH	PHONG	CD12CQ							V	
6	11124067	ĐOÀN VĨNH	PHÚ	DH11QL	1		7	6	6	6,8	6	8
7	12124062	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	DH12QL	1		9	6	6	6,6	6	6
8	11333189	LÊ THANH	PHÚC	CD11CQ	1		8	8	4	5,6	5	6
9	12333419	TRẦN THỊ MỸ	PHỤNG	CD12CQ	1		7	7	3	4,6	4	6
10	10333108	HUỲNH AN	PHƯỚC	CD10CQ						V	V	
11	12333194	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	CD12CQ	1		7	7	7	7,0	7	0
12	12333422	TRIỆU THỊ MỸ	PHƯỢNG	CD12CQ	1		7	7	2	4,0	4	0
13	12333357	TÔ THỊ	QUANH	CD12CQ	1		8	7	5	6,0	6	0
14	12333199	ĐẶNG HỮU	QUÍ	CD12CQ	1		8	8	4	5,6	5	6
15	12124068	NGÔ PHÚ	QUÍ	DH12QL	1		6	6	6	6,0	6	0
16	12333200	NGUYỄN PHÚ	QUÍ	CD12CQ	1		7	8	5	6,0	6	0
17	11333193	TRẦN HUỲNH	QUÝ	CD11CQ	1		8	8	4	5,6	5	6
18	11124042	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	DH11QL	1		8	8	5	6,2	6	2

Số bài: 22 ; Số tờ: 22

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Bu

Ng Thị Hồng Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Long Hoàng Khương

Ngày 21 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02172

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12333207	HUỲNH CẨM	SANG	CD12CQ	1		7	7	5	5,8	5	8
20	12333262	NGUYỄN THỊ KIM	SƯƠNG	CD12CQ	1		7	6	4	5,0	5	0
21	10333077	NGUYỄN TIẾN	SỸ	CD10CQ	1		5	5	2	3,2	3	2
22	11135080	PHẠM TẤN	TÀI	DH11TB	1		7	6	3	4,4	4	4
23	12124278	PHAN MINH	TÂN	DH12QL	1		8	6	6	6,4	6	4
24	11333028	NGUYỄN THÀNH	TẤN	CD11CQ			8	8	V			
25	12333434	ĐÀO DUY	THÁI	CD12CQ	1		8	7	5	6,0	6	0
26	12333226	NGUYỄN THỊ MINH	THANH	CD12CQ	1		7	6	3	4,4	4	4

Số bài: 22 ; Số tờ: 22

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Ngọc Tr

Hồ Thị T. Hồng Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Long Hường

Ngày 21 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02173

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 005 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12333427	PHAN NGỌC ĐAN	THANH	CD12CQ			7	8	5	6,0	6	0
2	12333428	CAO DUY	THÀNH	CD12CQ			7	7	6	6,4	6	4
3	12333256	ĐOÀN MINH	THÀNH	CD12CQ			7	7	3	4,6	4	6
4	12333229	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	CD12CQ			8	7	4	5,4	5	4
5	12333230	NGUYỄN VĂN	THÀNH	CD12CQ			7	8	2	4,2	4	2
6	12124289	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	DH12QD			8	7	6	6,6	6	6
7	12333201	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	CD12CQ			7	8	4	5,4	5	4
8	12333432	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	CD12CQ			8	7	4	5,4	5	4
9	12333346	TRẦN THỊ THANH	THẢO	CD12CQ			8	6	4	5,2	5	2
10	12333347	VÕ THỊ THU	THẢO	CD12CQ			7	6	5	5,6	5	6
11	12124384	PHAN THỊ MINH	THOA	DH12QL			8	7	8	7,8	7	8
12	12333437	VÕ NGUYỄN THỊ KIM	THOA	CD12CQ			7	8	6	6,6	6	6
13	12333286	ĐỖ THỊ	THU	CD12CQ			7	9	2	4,4	4	4
14	12333441	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUẬN	CD12CQ			8	7	4	5,4	5	4
15	12333442	HUỲNH THỊ NGỌC	THỦY	CD12CQ			9	7	4	5,6	5	6
16	12333214	CAO THỊ	THÚY	CD12CQ			7	8	5	6,0	6	0
17	12333322	TRƯƠNG THỊ DIỄM	THÚY	CD12CQ			8	7	4	5,4	5	4
18	12333445	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỤY	CD12CQ			7	7	4	5,2	5	2

Số bài: 53 ; Số tờ: .....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Long Hường

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Long Hường

Ngày 10 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02173

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 005 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12333250	NGUYỄN THỊ BÍCH	THƯ	CD12CQ			7	8	3	4,8	4	8
20	12333253	LÊ MINH	THỨC	CD12CQ			8	7	1	3,6	3	6
21	11124129	BÙI THỊ THANH	THƯƠNG	DH11QL			6	6	5	5,4	5	4
22	10124201	LÃ VĂN	THƯƠNG	DH10QL			6	6	5	5,4	5	4
23	12333257	VÕ NHẬT	TIẾN	CD12CQ			7	7	2	4,0	4	0
24	12333049	NGUYỄN HỮU	TỈNH	CD12CQ			7	8	4	5,4	5	4
25	12333259	TRẦN XUÂN	TÔN	CD12CQ			8	7	5	6,0	6	0
26	12124322	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH12QL			8	6	5	5,8	5	8
27	12124091	TRƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	DH12QL			8	6	7	7,0	7	0
28	12333320	ĐẶNG THỊ THANH	TRÂM	CD12CQ			7	0	2	2,6	2	6
29	12333146	NGUYỄN THỊ THÚY	TRÂM	CD12CQ			8	6	6	6,4	6	4
30	12333450	BÙI PHƯƠNG	TRÂN	CD12CQ			7	6	5	5,6	5	6
31	12333264	CHÂU HUYỀN	TRÂN	CD12CQ			7	9	4	5,6	5	6
32	12124332	HUỲNH NHỰT	TRÍ	DH12QL			8	6	5	5,4	5	4
33	10124222	TRẦN BẢO	TRIỂN	DH10QL			6	6	4	4,8	4	8
34	12333451	CAO THỊ	TRIỀU	CD12CQ			6	6	5	5,4	5	4
35	12333287	TRẦN THỊ MỸ	TRINH	CD12CQ			8	9	4	5,8	5	8
36	11151009	HỒ VĂN	TRỌNG	DH11DC			7	6	5	5,6	5	6

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: *Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Long Hường

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Long Hường

Ngày 21 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02173

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 005 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12333291	DƯƠNG TẤN	TRUNG	CD12CQ			7	9	2	4,4	4	4
38	10149222	HỒ HỮU	TRUNG	CD12CQ			8	8	4	5,6	5	6
39	12124333	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	DH12QL			V		V		V	
40	12124101	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH12QL			8	8	5	6,2	6	2
41	12124337	LÊ THỊ	TUYỀN	DH12QL			7	7	6	5,8	5	8
42	12333045	TĂNG THỊ THANH	TUYỀN	CD12CQ			7	7	4	5,2	5	2
43	12333329	LÂM THẢO	UYÊN	CD12CQ			7	8	3	4,8	4	8
44	11151068	ĐẶNG NGỌC	VĂN	DH11DC			7	6	3	4,4	4	4
45	12333293	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	CD12CQ			8	7	4	5,4	5	4
46	12333460	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	CD12CQ			8	8	3	5,0	5	0
47	12333335	NGUYỄN THÁI	VIÊN	CD12CQ			7	7	3	4,6	4	6
48	10124250	NGUYỄN THÀNH	VINH	DH10QL			4	4	4	4,0	4	0
49	12333283	DI THÀNH	VỦ	CD12CQ			7	7	3	4,6	4	6
50	12333462	HOÀNG TUẤN	VŨ	CD12CQ			8	7	3	4,8	4	8
51	12333284	BÙI VĂN	VƯƠNG	CD12CQ			7	9	5	6,2	6	2
52	11333184	ĐẶNG QUỐC	VƯƠNG	CD11CQ			9	8	5	6,4	6	4
53	12333463	NGUYỄN KHÁNH	VY	CD12CQ			8	7	4	5,4	5	4
54	12333198	HOÀNG HỒNG	YÊN	CD12CQ							V	

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Long Hường

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Long Hường

Ngày 21 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02173

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài nguyên đất đai (209301) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 005 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12333464	NGUYỄN NGỌC YẾN	CD12CQ			7	8	4	5,4	5	4

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Long Thường

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Long Thường

Ngày 21 tháng 2 năm 2014